

**N**AM 2002 - năm thứ hai cả nước thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng - đã khép lại với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Mặc dù bối cảnh chung của thế giới và trong nước có nhiều khó khăn và biến động phức tạp, nhưng nhìn tổng thể thành tựu kinh tế - xã hội năm 2002 của Việt Nam là tương đối cao. So với năm 2001, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2002 ước đạt 6,9 - 7%, giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,2%, giá trị các ngành dịch vụ tăng 6,7%, kim ngạch xuất khẩu tăng 7,1%, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 112,0 ngàn tỉ đồng, tăng 106,5% so với dự toán, tổng chi ngân sách đạt 141,1 ngàn tỉ đồng, tăng 105,4% so với dự toán, bội chi ngân sách nhà nước trên GDP là 5%, vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP là 34%, giá hàng tiêu dùng tăng 4,0%, tạo việc làm mới cho 1,4 triệu người, đào tạo nghề cho 982 nghìn người, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 14,3%, tỷ lệ sinh giảm 0,042%...

Như vậy, so với chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa X, thì năm 2002 cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra. Mười một trong tổng số 14 chỉ tiêu do Quốc hội đề ra đều đạt và vượt kế hoạch. Những chỉ tiêu không đạt gồm: xuất khẩu tăng 7,1% (chỉ tiêu kế hoạch là từ 10 - 13%); chỉ tiêu tăng trưởng GDP, tuy đạt được ở mức 6,9-7% là cao so với các nước trong khu vực và thế giới, nhưng kế hoạch đề ra là 7 - 7,3%, và mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

# Giải pháp phát triển kinh tế nhanh hơn trong năm **2003**

**PHẠM VĂN LINH\***

10 năm (2001 - 2010) là 7,5%. Nhìn chung, nếu đặt trong tình hình khó khăn của đất nước và bối cảnh chung của các nước trong khu vực thì đây lại là mức tăng trưởng khá.

Những kết quả tích cực và khá toàn diện của năm 2002 không chỉ có ý nghĩa cho việc thực hiện nhiệm vụ của năm 2003, mà còn cho các năm tiếp theo.

Đạt được kết quả trên, trước hết là do sự phấn đấu chung của toàn Đảng, toàn dân, sự năng động sáng tạo của các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh với quyết tâm rất lớn, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2002. Đó cũng là kết quả của việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện các Nghị quyết Trung ương cùng với sự chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, sự đổi mới điều hành kiên quyết và có hiệu quả của Chính phủ...

\* TS Kinh tế, Phó Vụ trưởng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Bên cạnh đó, cũng cần nhìn một cách nghiêm khắc những hạn chế, yếu kém, tồn tại đã và đang làm giảm đáng kể khả năng tăng trưởng cao của nền kinh tế, từ đó tìm cách khắc phục để hoàn thành tốt hơn nữa các kế hoạch đã đề ra.

Hạn chế rõ nét nhất của nền kinh tế nước ta hiện nay là sức cạnh tranh thấp. Môi trường pháp lý vĩ mô của nền kinh tế, nhìn chung đã được cải thiện nhưng bộ máy hành chính vẫn còn công kênh, thủ tục hành chính rườm rà, hệ thống kết cấu hạ tầng còn cần đầu tư nhiều hơn nữa mới đảm bảo tăng tính hấp dẫn so với các nước trong khu vực. Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế. Với 5 655 doanh nghiệp nhà nước hiện nay, phần lớn quy mô vốn còn thấp, bình quân mỗi doanh nghiệp chỉ đạt 22 tỉ đồng. Đối với doanh nghiệp tư nhân, chỉ riêng 49 000 doanh nghiệp đăng ký mới từ năm 2000 đến nay, vốn bình quân khoảng 1,5 tỉ đồng... Điều đó cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp đều có vốn nhỏ, trình độ khoa học - công nghệ nhìn chung thấp, nhiều ngành công nghiệp có công nghệ lạc hậu hơn các nước trong khu vực từ 2 - 3 thế hệ, công nhân có trình độ tay nghề thấp chiếm tới 75% : Tất cả dẫn tới khả năng cạnh tranh thấp, nhiều sản phẩm của Việt Nam có chi phí sản xuất cao hơn so với giá nhập khẩu từ 20 - 40%, cá biệt như mặt hàng đường, giá thành sản xuất cao hơn so với giá nhập khẩu là 70% ; các chi phí trung gian còn quá cao, một số chi phí còn bất hợp lý... Thực tế này sẽ là lực cản lớn trên lộ trình Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế quốc tế.

Một khó khăn rất cơ bản của nền kinh tế Việt Nam, đã tồn tại dai dẳng nhiều năm nay, đó là tình trạng đầu tư kém hiệu quả. Năm 2002 một đồng vốn đầu tư toàn xã hội chỉ tăng thêm được 0,32 đồng giá trị GDP (năm 2000 là 0,26 ; năm 2001 là 0,28), tuy có cao hơn so với trước, nhưng vẫn còn thấp so với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới. Nguyên nhân chính của tình trạng đó là do cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, chuyển dịch chậm, hiện nay các dự án dở dang còn quá lớn, chiếm tới 2/3 vốn đầu tư. Mặt khác, do kết cấu hạ tầng kém phát triển nên kinh phí để đầu tư cho lĩnh vực này khá lớn, chiếm tới 35% nguồn vốn, chưa kể 10% vốn hàng năm phải dành để tu bổ. Ngoài ra, tình trạng đó còn do công tác quản lý yếu kém ; một số dự án đầu tư chưa xuất phát từ quy hoạch, chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường, chất lượng công tác quy hoạch thấp ; cơ chế phân cấp quản lý vốn đầu tư và các chương trình mục tiêu quốc gia cho các địa phương và các ngành chưa đi đôi với chế tài ràng buộc trách nhiệm và cơ chế kiểm tra, nên đầu tư thiếu tập trung, kém hiệu quả, không ít trường hợp bị thất thoát vốn đầu tư, sử dụng tùy tiện không tuân thủ kế hoạch tài chính ban đầu, chất lượng công trình không cao ; các thủ tục quyết toán và nghiệm thu chưa thật sự công tâm, khách quan...

Hiện nay, khâu yếu nhất ở các ngành, các cấp và cơ sở vẫn là tổ chức thực hiện. Có thể thấy rằng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, giải pháp đúng đắn, nhưng quá trình tổ chức thực hiện chưa kịp thời, triển khai chậm từ khâu hướng dẫn thực hiện của

tác bộ, ngành, cho đến khâu thực hiện ở địa phương, cơ sở.

Cơ chế quản lý đòi hỏi phải chuyển đổi nhanh chóng để thích ứng với cuộc sống thực tế, từ điều hành vĩ mô đến tổ chức thực hiện ở các cấp, ngành, nhưng bộ máy quản lý vẫn chậm được kiện toàn, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng thiếu gắn bó, còn nhiều biểu hiện vi phạm kỷ luật hành chính, tệ địa phương cục bộ, "phép vua thua lệ làng", tùy tiện, lỏng lẻo trong quản lý còn bộc lộ ở nhiều nơi.

Mặc dù từ lâu, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm tới việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ, nhưng nhìn chung, chất lượng đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, kể cả cán bộ quản lý, cán bộ kinh doanh, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ trong hệ thống chính trị. Một số cán bộ không chỉ yếu kém về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, nhất là tệ thu vén cá nhân, bị tiêm nhiễm chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, gây mất lòng tin đối với nhân dân.

Nhìn lại một cách khách quan, cả về thành tựu đã đạt được cũng như những hạn chế phải khắc phục, thiết nghĩ trong những năm tới, nhất là trong năm 2003 - năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, cần phải thực thi một số giải pháp mang tính đột phá, nhằm tạo ra sự tăng trưởng kinh tế - xã hội cao hơn. Thành công của năm 2003 sẽ là cơ sở tạo đà cho các năm tiếp theo, đảm bảo thực hiện toàn bộ mục tiêu trong cả 5 năm 2001 - 2005.

Thực lực kinh tế của đất nước ta hiện nay đã được nâng lên đáng kể, nền kinh tế đã dần

thích nghi với thị trường khu vực và quốc tế ; nhiều tiềm năng cần được khai thác tốt, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, nguồn nhân lực, vị trí địa lý ; sự ổn định về an ninh, chính trị, sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu trong toàn Đảng, toàn dân, khả năng lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ không ngừng được nâng lên, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước đang dần đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng ; quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế giúp Việt Nam chủ động hơn trong phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhưng có thể thấy rằng, năm 2003, Việt Nam có thể phải đối mặt và giải quyết rất nhiều khó khăn không nhỏ : quá trình hội nhập, tham gia đầy đủ vào AFTA vẫn không ít trở ngại ; việc chuẩn bị để tham gia WTO, cũng như thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ trong điều kiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu ; tình trạng tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, phiến hà sách nhiễu còn nặng nề, trật tự an toàn xã hội ở một số nơi vẫn diễn biến phức tạp ; một số cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là việc hoàn thiện hệ thống luật pháp kinh tế trước những đòi hỏi cấp bách của việc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước còn chậm ; những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế thế giới ; sự cạnh tranh gay gắt của các quốc gia khu vực và châu Á về thị trường và thu hút vốn đầu tư nước ngoài...

Tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XI, Chính phủ đã đưa ra hai phương án phát triển kinh tế - xã hội cho năm 2003, theo đó

*Phương án cao* phải đạt được các chỉ tiêu sau : tăng trưởng GDP khoảng 7,5% so với năm 2002, trong đó khu vực I tăng 4% ; khu vực II tăng 10,5% ; khu vực III tăng 6,6% ; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7,5% ; tổng kim ngạch nhập khẩu tăng khoảng 6% ; tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 215 nghìn tỉ đồng, tăng 17% so với năm 2002 và bằng 35,2% GDP ; tổng thu ngân sách nhà nước tăng 9,8%, tổng chi ngân sách nhà nước tăng 17,5% so với ước thực hiện năm 2002 ; bội chi ngân sách không quá 5% ; lạm phát dự kiến 4%...

Trong trường hợp thế giới có những diễn biến phức tạp, đặc biệt diễn biến ở khu vực Trung Đông trở nên phức tạp hơn, dẫn tới tình trạng giá dầu tăng, yêu cầu phải trả nợ cho bạn cấp thiết hơn, *Phương án thấp* được dự kiến là : tốc độ tăng trưởng khoảng 7%, duy trì bằng năm 2002, trong đó : khu vực I tăng 3,8% ; khu vực II tăng 10,2% ; khu vực III tăng 6,5% ; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,5% ; công nghiệp tăng khoảng 13,8% ; giá trị các ngành dịch vụ tăng khoảng 6,8% ; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6%...

Dù phương án nào cũng phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Như vậy, cả hai phương án tăng trưởng kinh tế, *Phương án cao* và *Phương án thấp*, đều đặt ra nhiệm vụ cho 2 năm cuối của kế hoạch 5 năm (2004 - 2005) là, phải tăng trưởng ở mức cao từ 8% - 8,4%. Có như vậy, chúng ta mới có thể đạt được mục tiêu do Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra là 7,5%.

Trong điều kiện hiện nay, để nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, cần tiếp tục phân tích sâu sắc hơn những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm năm 2002 và những năm trước đó, quán triệt quan điểm không ngừng phát huy cao độ nguồn nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài. Trong mọi trường hợp, phải lấy sự ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội làm cơ sở, qua đó để lựa chọn các giải pháp tác động nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

*Thứ nhất*, thực hiện nhất quán quan điểm phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, quán triệt sâu sắc trong tổ chức thực hiện, trong xử lý tình huống.

*Thứ hai*, cùng với việc đổi mới và nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước, tiếp tục tạo ra sự thông thoáng hơn nữa về chính sách và môi trường kinh doanh cho khu vực kinh tế dân doanh. Khu vực dân doanh đang ngày càng đóng góp lớn cho tăng trưởng và tạo việc làm, góp phần đặc biệt cho sự ổn định và tăng trưởng nhanh kinh tế của đất nước.

*Thứ ba*, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện kích cầu đầu tư và tiêu dùng trong nước, quản lý tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đầu tư, đảm bảo chất lượng và tránh thất thoát vốn đầu tư, gắn đầu tư với quy hoạch và nhu cầu thị trường. Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nhân rộng các hình thức hấp dẫn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, giảm mạnh các thủ tục hành chính còn gây phiền hà và nhiều loại chi phí bất hợp lý trong cấp phép đầu tư.

*Thứ tư*, lấy năm 2003 là năm trọng điểm thực hiện chống tham nhũng có hiệu quả, xử lý dứt điểm những vụ án tham nhũng lớn, qua đó không chỉ ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tài sản của Nhà nước bị đục khoét, bị sử dụng lãng phí, mà còn tạo niềm tin trong nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo sự yên tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để phát triển đất nước.

*Thứ năm*, xây dựng bộ máy công quyền tinh gọn, thạo việc và minh bạch, gắn cải cách hành chính với cải cách tiền lương, xây dựng chế độ trách nhiệm cán bộ, công chức và các loại hình cán bộ khác, hoàn thiện hệ thống pháp luật để đảm bảo quản lý có hiệu lực và hiệu quả.

*Thứ sáu*, để tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, cần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy vậy, cũng khắc phục tình trạng chạy theo phong trào, rập khuôn trong việc chọn lựa cơ cấu kinh tế. Mỗi địa phương, mỗi vùng đều có những thuận lợi khó khăn mang tính chất đặc thù, vậy cơ cấu kinh tế phải mang lại hiệu quả cao nhất với việc sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực.

*Thứ bảy*, phát triển kinh tế nhanh gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội trong từng bước đi, phù hợp với từng trình độ phát triển, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Coi trọng khâu chỉ đạo, điều hành có hiệu lực và hiệu quả từ trung ương đến địa phương. Đây thực sự là nhân tố cơ bản quyết định sự tăng trưởng nhanh và bền vững. □